

9. (83) Chuyện thứ chín - Lâu Đài Của Vị Thiên Tử Đeo Vòng Tai Sáng Chói (Mattakundali-Vimàna)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trú tại *Sàvatthi*, ở Kỳ Viên. Có một Bà-la-môn sống tại đó rất giàu nhưng không có lòng tin vào đạo và không bao giờ bố thí cho ai vật gì cả, nên được đặt danh hiệu Người Không bao giờ Bố thí.

Ông lại thường dạy bảo con trai là *Mattakundalin* đừng đến gần Đức Thế Tôn hay các đệ tử của Ngài. Chàng tuân lệnh. Khi chàng lâm bệnh, ông cha cũng không cung cấp thuốc thang gì cho đến khi chàng nguy kịch, các thầy thuốc được mời đến đều bảo bệnh đã vô phương cứu chữa.

Bấy giờ bậc Đạo Sư vừa xuất định Đại bi, thấy Ngài có thể cứu độ cả hai cha con, bèn đến gần nhà họ và phóng hào quang. Chàng trai rúng động toàn thân vì hoan hỷ, đánh lễ Ngài và nằm xuống.

Ngay sau khi Đức Thế Tôn ra đi, chàng từ trần và được tái sanh vào một Lâu đài mười hai dặm trong hội chúng cõi trời Ba mươi ba. Ngày hôm sau tang lễ, ông cha ra nghĩa địa vừa khóc than vừa gọi tên con.

Chàng Thiên tử thấy ông cha, liền xuất hiện trước mặt ông như chàng *Mattakundalin* đang khóc với hai tay chấp lại vì đau buồn, vừa kêu: “Ôi mặt trăng! Ôi mặt trời!”.

Vị Bà-la-môn liền hỏi:

1. Mang chuỗi hoa, vòng tai điểm trang,

Làn da tẩm phấn bột chiên-đàn,

Chàng than khóc với đôi tay chấp,

Sâu khổ vì sao ở giữa rừng?

Chàng Thiên tử đáp lại ông:

2. Bằng vàng đúc, sáng rực huy hoàng,

Xuất hiện ngày xưa xe của con,

Đôi bánh xe này con chẳng thấy,

Do buồn khổ ấy, muốn lia trần.

Vị Bà-la-môn lại nói với chàng:

3. Đúc bằng hồng ngọc, bạc, hay vàng,

Hãy nói cho ta biết rõ ràng,

Nam tử Bà-la-môn quý mến,

Ta đi tìm cặp bánh cho chàng.

Thanh niên Bà-la-môn ấy muốn hạ lòng tự cao của vị Bà-la-môn đã không mua thuốc thang gì cho chàng, liền nói:

- Hẳn chúng lớn bằng mặt trăng mặt trời kia.

Và chàng yêu cầu ông như sau:

4. Nam tử La-môn nói với ông:

“Đôi vòng nhật nguyệt vẫn thường trông,

Xe con vàng đúc thường bưng sáng

Với cặp bánh này giữa cõi không!”

Vị Bà-la-môn bảo:

5. Chàng La-môn quả thật điên khùng,

Chàng kiếm thứ đồ chẳng thể mong,

Ta chắc rồi đây chàng sẽ chết,

Vì chàng không thể được trời, trăng!

Thanh niên Bà-la-môn đáp:

- Thế ai điên khùng hơn ai, người khóc đòi vật có thể thấy được hay người khóc đòi vật không thể thấy?

6. Ta thường thấy lặn, mọc, trời, trăng,

Đặc tính, sắc màu lúc chuyển luân,

Song kẻ mạng chung nào thấy được,

Giữa ta, ai khóc thật điên khùng?

Nghĩ rằng chàng nói có lý, vị Bà-la-môn bảo chàng:

7. Quả chàng nói đúng, Bà-la-môn,

Than khóc vậy, ta ngu xuẩn hơn,

Ta khóc than vì người đã chết,

Khác nào con trẻ khóc đòi trăng?

Và vị Bà-la-môn không còn buồn khi ngâm vãn kệ trên, ông lại ngâm các vần kệ tán thán chàng thanh niên Bà-la-môn ấy:

8. Lòng ta thiêu đốt nóng bừng,
Như là sữa lạc đổ trong lửa đào,
Nay vừa được tưới nước vào,
Và đang lắng dịu biết bao khổ sầu.

9. Quả chàng nhỏ mũi tên đau
Nổi buồn kia đã cắm sâu vào lòng,
Xua tan mọi mối thương tâm
Của người cha đã đau buồn vì con.

10. Giờ đây mát lạnh, dịu lòng,
Mũi tên đã nhỏ, ta không còn buồn,
Ta không còn phải khóc than,
Sau khi nghe nói, hỡi chàng La-môn!

Sau đó vị Bà-la-môn hỏi chàng:

- Thế chàng là ai?

và ngâm kệ tiếp:

11. Có phải chàng Thiên tử, Nhạc thân,
Sak-ka Thiên chủ đại danh lừng,
Thi ân hào phóng, trang nam tử,
Con của ai, ta muốn biết chàng?

Chàng liền nói với ông về bản thân mình:

12. Con là nam tử của ngài đây,
Ngài hóa thiêu con nghĩa địa này,
Ngài đã khóc than và khổ não,
Còn con làm thiện nghiệp riêng tây,
Nay lên cộng trú cùng Thiên chúng
Tam thập tam thiên lạc thú đầy.

Vị Bà-la-môn hỏi:

13. Cúng dường lớn nhỏ ở trong nhà,
Ta chẳng thấy đâu, trước đến giờ,
Hoặc giữ giới hay ngày Bố-tát,
Làm sao con đạt cõi Băm-ba?

Thanh niên Bà-la-môn đáp:

14. Xưa con bệnh hoạn ở trong phòng,
Đau đớn ngập tràn cả tám thân,
Con thấy Phật-đà vô lậu hoặc,
Đoạn nghi, Thiện Thệ, trí viên toàn.

15. Tâm con tràn ngập nổi hân hoan,
Đánh lễ Như Lai với tín tâm,
Khi thiện sự con vừa thực hiện,
Con lên cộng trú cùng Thiên thần.

Khi chàng đang nói vậy, toàn thân vị Bà-la-môn tràn đầy nhiệt tình và ông nói:

16. Thật là hy hữu, diệu kỳ thay,
Đây kết quả hành động chấp tay,
Ta cũng hân hoan, tâm tín ngưỡng,
Quy y Đức Phật tự ngày nay.

Sau đó vị Thiên tử muốn khuyên ông quy y và nhận Ngũ giới, lại ngâm hai vần kệ:

17. Ngay tự hôm nay với tín tâm
Ngài quy y Phật, Pháp cùng Tăng,
Hành trì Ngũ giới, chuyên tu tập,
Giữ trọn vẹn không có lỗi lầm.

18. Từ nay ngài tránh sát muôn loài,
Không lấy vật chi chẳng tặng ngài,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Và tri túc với vợ mình thôi.

Khi chàng Thiên tử đã khuyên ông nhận Tam quy và Ngũ giới như vậy, vị Bà-la-môn đồng ý với lời

chàng và bảo:

19-20. *Chàng muốn an lạc, Dạ-xoa,
Chàng mong hạnh phúc với ta mà,
Ta tuân lời dạy, này Thiên tử,
Chành chính là thầy giáo của ta,
Ta sẽ quy y vào Phật, Pháp.
Và quy y hội chúng Tăng-già.*

21. *Từ nay ta tránh sát muôn loài,
Không lấy các tài vật của ai,
Không uống rượu nồng, không nói dối,
Và tri túc với vợ mình thôi.*

10. (84) **Chuyện thứ mười - Lâu Đài Của Serissaka (Serissaka-Vimàna)**

Sau khi Đức Thế Tôn đã viên tịch, Tôn giả *Kumàra-Kassapa* (Curu-ma-la Ca-diếp) cùng với năm trăm Tỷ-kheo đến thành *Setavyà*. Tại đó, Tôn giả thuyết phục vua *Pàyàsi* (Tệ Túc) từ bỏ các tà kiến, và an trú vua vào chánh kiến.

Từ đó về sau, nhà vua thích làm công đức, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, song không được chu đáo, vì trước kia chưa quen việc ấy, nên sau khi từ trần, vua được tái sanh vào một Lâu đài ở nơi hoang vắng trong rừng cây *Sirisa* thuộc trú xứ của Tứ Đại Thiên vương.

Tục truyền rằng ngày xưa một số thương nhân nước *Anga-Magadha* đi đến xứ *Sindhu* và *Sovira*, thường du hành ban đêm vì sợ cơn nóng ban ngày, nên đã đi lạc đường. Trong số ấy có một đệ tử cư sĩ đầy đủ mọi khả năng chứng đắc quả A-la-hán, và đã tham gia đoàn lữ hành để kiếm tiền cấp dưỡng cha mẹ.

Muốn giúp đỡ vị ấy, Thiên tử *Serissaka* xuất hiện cùng Lâu đài của mình, rồi hỏi đám thương nhân đã đến vùng sa mạc hoang vu không cây cỏ nước non này bằng cách nào. Bọn họ trả lời chàng.

Để giải thích chuyện này, các vị kết tập Kinh điển đưa vào hai vắn kệ đầu tiên:

1. *Hãy lắng nghe câu chuyện Dạ-xoa*

Và thương nhân gặp gỡ đường xa,

Chuyện hay khéo kể cho nhau rõ,

Vậy hãy lắng nghe cả chúng ta.

2. *Pà-yà-si, chính hiệu nhà vua,*

Bạn của địa thần, danh tiếng xa,

Đang hưởng lạc trong Lâu các ấy,

Vị Thiên thân hỏi đám thương gia:

3. *“Trong rừng hiểm trở vắng phàm nhân,*

Sa mạc khô cằn, chẳng có ăn,

Thật khó đi vào vùng cát trắng,

Nhiều người mất trí sợ nguy nan.

4. *Không có cây hay trái ở đây,*

Cũng không nhiên liệu, thức ăn này,

Không gì ngoài bụi mù và cát,

Sức nóng đang thiêu đốt đọa đày.

5. *Hoang mạc cằn như ám sắt nung,*

Không gì lợi lạc tựa âm cung,

Xưa là trang trại bầy ăn cướp,

Đáng rửa nguyên thay cả một vùng.

6. *Vậy các ngươi do động lực nào,*

Cớ gì ước muốn đến đây sao?

Các ngươi vội vã cùng nhau đến,

Vì sợ, tham lam, lạc lối vào?

Các thương nhân liền đáp:

7. *Lữ khách thương nhân Ma-kiệt-đà,*

An-ga, cùng đến So-vi-ra,

Đã mang theo thật nhiều hàng hóa,

Mong muốn giàu sang, kiếm lợi mà.

8. *Không sao chịu được khát ban ngày,*

Cùng xót thương bò ngựa cả bầy,

Đến bước này đây, đoàn lũ khách
Gặp ban đêm giữa lúc canh chầy.

9. Khốn khổ chúng tôi phải lạc đường,
Rối như mù lạc lối rừng hoang,
Giữa vùng cát khó du hành quá,
Tâm trí hoang mang chẳng biết phương.

10. Đang lúc này đây được thấy ngài,
Dạ-xoa thân lạc trú Lâu đài,
Những điều chưa thấy bao giờ cả,
Hy vọng khởi lên với chúng tôi,
Vì chúng tôi vừa nhìn thấy thế,
Chúng tôi đều hạnh phúc, mừng vui.
Vị Thiên tử lại hỏi:

11. Sa mạc hoang vu vượt đại dương,
Con đường khúc khuỷu phải đi ngang
Bằng dây rừng kết làm cầu nối,
Lại có nhiều khe suối động hang,
Thật khó đi vào nhiều thị trấn,
Các người lặn lội kiếm giàu sang.

12. Khi vào lãnh thổ các vua kia,
Nhìn mọi người trong xứ khác xa,
Những việc các người nghe thấy đó,
Có gì kỳ thú kể cho ta.

Bọn thương nhân nghe vị Thiên tử hỏi, liền đáp:

13. Việc chúng tôi nghe thấy trước đây
Không gì kỳ thú sánh nơi này,
Siêu phàm, Thiên tử, không hề chán,
Khi ngắm mỹ quang tuyệt hảo vậy.

14. Các hồ sen trải giữa trời cao,
Phong phú hoa đua nở đẹp biết bao,
Sen trắng cùng cây luôn kết trái,
Tỏa làn hương tuyệt diệu đường nào.

15. Một trăm trụ ngọc bích cao xanh,
Các đế san hô kết thủy tinh,
Mã não mắt mèo, hồng ngọc thắm,
Trụ toàn ngọc sáng kết thành hình.

16. Lâu đài tráng lệ ở trên đầu,
Ngàn trụ oai nghi tuyệt mỹ sao,
Hành lang vàng với tường đầy ngọc,
Nền dát vàng xen lẫn bảo châu.

17. Lâu đài sáng rực tựa vàng ròng
Ở tại Jam-bon, một lạch sông,
Sáng loáng cầu thang, sân thượng, bệ,
Oai hùng, cân xứng, đẹp vô ngần.

18. Trong điện ngọc đầy thức uống ăn,
Một đàn tiên nữ đứng quây quần,
Ngân vang kèn trống và đàn địch,
Ngài được cung nghênh với tán xưng.

19. Ngài được bày tiên tạo lạc an,
Thượng lầu kỳ thú của thiên đàng,
Ngài oai nghi hưởng đầy ân phước,
Lộng lẫy cao sang chẳng nghĩ bàn,
Như Đại Thiên vương Tỳ-xá nư
Na-li-nì thượng uyển vinh quang.

20. Ngài là Thiên nữ, Dạ-xoa thân,

Thiên chủ mang hình dáng thế nhân?

Lữ khách cả đoàn nay kính hỏi,

Xin ngài cho biết rõ danh xưng.

Bấy giờ vị Thiên tử nói rõ về bản thân mình:

21. Ta là Thiên tử Se-ris-sa,

Ta giữ vùng sa mạc thật xa,

Cai quản miền này và xứ nọ,

Tuân hành thiên lệnh Ves-sa-va.

Bấy giờ các thương nhân hỏi về hạnh nghiệp của chàng:

22. Ngài hưởng lạc này bởi ngẫu nhiên,

Hay ngài được tặng bởi chư Thiên?

Do ngài xây dựng, do thành tựu?

Lữ khách thương nhân muốn hỏi xem,

Bằng cách nào đây ngài hưởng được

Lâu đài lạc thú giữa quần tiên?

Vị Thiên tử lại ngâm kệ bác bỏ bốn sự phỏng đoán này và nêu rõ đó chính là do công đức:

23. Chẳng phải do ta được ngẫu nhiên,

Hoặc ta được tặng bởi chư Thiên,

Do ta xây dựng, do thành tựu,

Mà chính do công đức tạo nên.

Các thương nhân liền hỏi về bản chất công đức ấy:

24. “Phạm hạnh nào hay bởi nguyện cầu?

Quả này do pháp thiện hành sao?

Thương nhân lữ khách này xin hỏi:

Ngài được Lâu đài bởi tại đâu?”

Vị Thiên tử lại bác bỏ cả bốn điều phỏng đoán trên, và trình bày công hạnh do mình đã tích trữ trước kia:

25. Pa-ya-sì thuở trước là ta,

Cai trị thân dân Kiền-tát-la,

Keo kiệt, xan tham, tin đoạn diệt,

Không tin nhân quả, lạc đường tà.

26. Thế rồi có một vị Sa-môn,

Curu-ma Ca-diếp, bậc đa văn,

Biện tài tuyệt diệu, nhiều phương tiện

Thuyết pháp, xua tà kiến khỏi tâm.

27. Khi nghe lời thuyết pháp từ ngài,

Ta nguyện làm cư sĩ suốt đời:

Không sát sanh và không trộm cắp,

Cũng không uống rượu, nói sai lời,

Cũng không tà dục và tri túc

Với vợ mình, không muốn vợ ai.

28. Đó là lời nguyện sống trong lành,

Kết quả đây là của thiện hành,

Chính bởi các hành vi phước đức

Lâu đài này được hưởng phần mình.

Khi ấy các thương nhân đã thấy vị Thiên tử cùng Lâu đài của chàng, liền khởi lòng tin vào nghiệp quả, và ngâm hai vần kệ nêu rõ niềm tin của họ vào nghiệp quả:

29. Quả thật, trí nhân nói thật chân,

Không hề nói khác, các hiền nhân,

Nơi nào người thiện làm công đức,

Nơi ấy người an hưởng thỏa lòng.

30. Nơi nào có khổ não, kêu thương,

Chết chóc, nhiều ràng buộc, khổ buồn,

Nơi ấy, các người làm ác nghiệp

Khó lòng thoát khỏi cảnh thế lương.

Trong khi họ ngâm kệ, một trái *Sirira* chín rụng từ cây xuống cổng Lâu đài và vị Thiên tử có vẻ buồn.
Các thương nhân thấy thế, liền ngâm kệ khác:

31. Giờ đây Thiên chúng về bồn chồn,
Lúng túng như đang dính vũng bùn,
Thiên tử, vì đâu ngài bất mãn,
Vì đâu hội chúng chẳng vui lòng?

Khi nghe hỏi vị Thiên tử đáp lại:

32. Bạn này, các khóm *Si-rì-sa*,
Thoang thoang thiên hương lan tỏa ra
Vào tận Lâu đài, hương phảng phất
Ngày đêm xua đuổi bóng âm u.

33. Khóm này, sau mỗi một trăm niên,
Một trái nở ra, chín, rụng liền,
Một trăm năm đã qua từ lúc
Ta hiện lên đây giữa chúng Thiên.

34. Biết rằng ta sống giữa thiên cung
Ngũ bách niên trường, sẽ mạng chung,
Khi thọ mạng tàn, công đức tận,
Cho nên ta hoảng sợ buồn lòng.
Lúc ấy các thương nhân liền an ủi chàng:

35. Thiên tử làm sao phải muộn phiền,
Khi ngài ngự ngũ bách chu niên
Lâu đài tuyết mỹ vô song địch?
Chắc hẳn những ai phước đức hèn
Chỉ được sinh vào nơi thấp kém,
Là người phải chịu khổ triền miên.

Vị Thiên tử chấp nhận lời nói của họ, cảm thấy được an ủi, bèn ngâm kệ:

36. Những lời khích lệ đẹp lòng sao,
Bạn nói những lời khen ngợi nhau,
Song bạn hỡi, giờ ta bảo hộ,
Cát bước bình an thoả ước ao.

Các thương nhân muốn bày tỏ lòng biết ơn, lại ngâm kệ:

37. Khi nào đi đến *So-vì-ra*,
Và đến *Sin-dhu* kiếm lợi to,
Cùng với biết bao quà tặng quý,
Chúng tôi dâng lễ *Se-ris-sa*.

Nhưng vị Thiên tử từ chối lễ vật hào phóng và muốn khuyên nhủ họ những việc cần làm, liền ngâm kệ:

38. Chớ nên dâng lễ *Se-ris-sa*,
Còn mọi việc kia sẽ xảy ra,
Song phải kiên tâm hành Chánh pháp,
Và cần tránh các nghiệp gian tà.

Vị ấy lại ngâm kệ đề nêu gương tốt cho họ theo và tán thán các đức tính của người cư sĩ mà vị ấy mong muốn bảo vệ an toàn:

39. Có vị tại gia của lữ đoàn,
Học nhiều, giữ giới nguyện tinh cần,
Cúng dường hào phóng, đầy thân ái,
Tri túc, khôn ngoan, đúng trí nhân.

40. Chàng không cố ý nói sai lời,
Cũng chẳng chuyên tâm hại đến ai,
Không thốt lời phân ly, phi báng,
Nói lời dịu ngọt, thật êm tai.

41. Biết vâng lời, kính trọng, tu thân,
Tẩy sạch mình theo giới hạnh luôn,
Người ấy sống đời cao thượng lắm,
Nương nhờ Chánh pháp, dưỡng song thân.

42. Ta chắc chàng đi kiếm bạc vàng
Chỉ vì muốn phụng dưỡng song thân,
Chứ không phải chính vì mình vậy,
Bởi thế khi cha mẹ mẫn phần,
Chàng sẽ hành trì đời Phạm hạnh,
Hương về xuất thế, thoát ly trần.

43. Thẳng ngay, không học hiêm, mưu mô,
Thiện sự thành công, chẳng dối lừa,
Giải quyết việc gì, không kiếm có,
Sao người như vậy phải ưu tư?

44. Vì lý do này ta hiện thân,
Hãy quy ngưỡng Pháp, hồi thương nhân,
Giá không chàng, bạn thành tro bụi,
Hoảng sợ như mù lạc lối hoang.
Chỉ trích chàng là điều thật dễ,
Phúc thay gặp gỡ bậc hiền lương!

Đám thương nhân muốn biết rõ chi tiết về người đang được nói đến một cách tổng quát như vậy, liền hỏi:

45. Người ấy là ai tự bấy nay,
Tên chàng, bộ tộc, thợ hay thầy?
Chúng tôi mong muốn nhìn người ấy
Ngài đã xót thương xuất hiện đây,
Quả thật phần chàng nhiều lợi lạc,
Nhờ ngài mến chuộng đến như vậy.

Bây giờ vị Thiên tử nêu tên họ và bộ tộc chàng kia:

46. Người này tên gọi Sam-ba-va,
Hớt tóc, người tu tập tại gia,
Kiếm sống bằng dao, bàn chải tóc,
Cả đoàn biết thị giả này mà!
Vì chàng là một người lương thiện,
Các bạn đừng nên nhạo báng ta.

Sau đó đám thương nhân nhận ra chàng kia, liền nói:

47. Chúng tôi đều biết rõ người này,
Nhưng chẳng biết chàng đức hạnh thay,
Nay chúng tôi cùng xin đánh lễ
Khi nghe ngài nói quý cao vậy.

Bây giờ, sau khi mời mọi người bước vào Lâu đài của mình, vị Thiên tử ngâm kệ khích lệ họ:

48. Bất cứ ai trong đám lữ hành,
Trung niên, trưởng lão, hoặc xuân xanh,
Xin mời tất cả lên lầu thượng,
Để bọn xan tham ngắm phước lành.

Trong phần kết thúc, chư vị kết tập Kinh điển ngâm sáu vần kệ:

49. Mọi người tại đó nói to lên,
Khi đặt chàng cư sĩ trước tiên:
“Tôi thứ nhất”, rồi lên điện ngọc,
Như cung Đế Thích của chư Thiên.

50. Cả đoàn lữ khách nói như vậy:
“Tôi trước tiên”, nhận Ngũ giới này,
Từ bỏ sát sanh loài thú vật,
Cũng không trộm cắp, rượu nồng say,
Cũng không nói dối, và tri túc
Với vợ mình, không muốn vợ ai.

51. Cả đoàn lữ khách nói đồng thanh:
“Tôi trước tiên”, trì giới, khởi hành,
Hoan hỷ ngập tràn nhờ đại lực

Dạ-xoa thân hổ trợ đồng tình.

*52. Đi vào địa phận So-vi-ra,
Vi muốn bạc vàng, kiếm lợi to,
Khi việc làm xong, tròn phận sự,
Trở về an ổn phố Pà-ta.*

*53. Tất cả binh yên trở lại nhà,
Trùng phùng thê tử cả toàn gia,
Mừng vui, hạnh phúc, đầy hoan lạc,
Làm lễ tôn vinh Thiên tử kia,
Lễ hội tung bừng và rộn rã,
Cùng xây trú xứ Se-ris-sa.*

*54. Như vậy là bầu bạn thiện nhân
Được nhiều lợi lạc lớn vô ngần,
Kết giao các thiện nhân trong Pháp,
Nhờ một người, toàn thể hưởng ân.*

11. (85) Chuyện thứ mười một - Lâu Đài Của Sunikkhitta (Sunikkhitta-Vimàna)

Bảy giờ, Đức Thế Tôn trú tại Sàvatthi, trong Kỳ Viên. Thời ấy như đã nói trên, Tôn giả Mahà-Moggallàna du hành trên thiên giới, đến cõi trời Ba mươi ba.

Một vị Thiên tử đang đứng ở cửa Lâu đài của chàng liền đến gần cung kính đánh lễ Tôn giả. Thuở tiền kiếp, khi ngôi kim Tháp rộng một dặm đã được dựng để thờ xá-lợi của Đức Phật Kassapa, bốn hội chúng thường đến cúng dường lễ vật.

Có một cư sĩ, sau khi dâng hoa tại đó, đã chưng bày lại những bông hoa được sắp đặt vụng về, rồi làm lễ cúng lần nữa. Vị ấy lấy các hoa kia làm đề tài thiên quán và tưởng niệm các đức tính của bậc Đạo Sư, rồi đặt trọn công đức này vào lòng.

Về sau lúc từ trần, nhờ uy lực của hạnh nghiệp này, vị ấy được tái sanh vào cõi trời Ba mươi ba với một đám tùy tùng đông đảo. Tôn giả Mahà-Moggallàna ngâm kệ hỏi vị ấy:

*1. Lầu các trụ cao bằng ngọc bích,
Mười hai dặm trái rộng chung quanh,
Bảy trăm nóc nhọn huy hoàng quá,
Trụ ngọc nền vàng thật hiển vinh.*

*2. Chàng uống ă, cư trú lạc an,
Khi đàn tiên trôi khúc du dương,
Đây là thiên vị, năm thiên lạc,
Tiên nữ múa, trang điểm ngọc vàng.*

*3. Vì sao chàng được sắc như vậy,
Vi có gì chàng vinh hiển đây,
Những lạc thú nào chàng mến chuộng
Trong tâm, đều xuất hiện ra ngay?*

*4. Hỡi chàng Thiên tử đại oai thân,
Chàng tạo đức gì giữa thế nhân,
Vi có gì oai nghi rực rỡ,
Dung quang chiếu sáng khắp mười phương?*

Vị Thiên tử ngâm kệ nói về hạnh nghiệp đã làm. Các vị kết tập Kinh điển giải thích việc này:

*5. Chàng Thiên tử ấy hỷ tâm tràn,
Được Mục-liên Tôn giả hỏi han,
Chàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,
Và đây là kết quả cho chàng:*

*6. Khi sắp đặt xong một chuỗi hoa
Mà người đã sắp đặt qua loa,
Rồi dâng hoa tại ngôi kim Tháp
Đáng Thiện Thệ là Kas-sa-pa,
Con đắc đại thân thông, đại lực,
Hưởng đầy thiên lạc cõi Bă-m-ba.*

*7. Vì vậy sắc con đẹp thế này,
Và con vinh hiển ở nơi đây,*

*Bất kỳ lạc thú nào trong dạ
Yêu chuộng, tức thì xuất hiện ngay.
8. Xin trình Tôn giả đại oai thân,
Công đức con làm giữa thế nhân,
Vì thế oai nghi con rực rỡ,
Dung quang chiếu sáng khắp mười phương.*

Tổng Kết

- Lâu đài Hai Người Nghèo, Hai Tinh Xá.
 - Một Người làm thuê, Một Kẻ Chăn Bò, *Kanthaka*.
 - Lâu đài Nhiều Màu Sắc, *Mattakundalin, Serissaka, Sunikkhitta*.
- Đó là Phẩm thứ Bảy về Lâu đài Nam giới.

Phẩm Thứ Tư Đề Phúng Tụng

-ooOoo-